

Bản án số: 33/2026/HNGĐ - ST

Ngày: 26/5/2026

“V/v Tranh chấp ly hôn và nuôi con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 9 - GIA LAI

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Hòa.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Hoàng Thị Bình;
2. Ông Trịnh Văn Nguyên.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Lê Thị Thuận - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 9 - Gia Lai.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 9 - Gia Lai tham gia phiên tòa:* Ông Lê Đình Hợp - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 5 năm 2026, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân vực 9 - Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án HNGĐ thụ lý số: 148/2025/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 12 năm 2025 về việc “*Tranh chấp ly hôn và nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 21/2026/QĐXXST- HNGĐ ngày 09 tháng 4 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 30/2026/QĐST-HNGĐ ngày 06 tháng 5 năm 2026, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Bùi Thị H, sinh ngày 20/8/1980;
Số CCCD: 037180013264.

Địa chỉ: Làng O, xã I, tỉnh Gia Lai. Có mặt

- Bị đơn: Ông Trần Đức H1, sinh ngày 01/01/1977;
Số CCCD: 064077008484.

Địa chỉ: Làng O, xã I, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 02/12/2025, bản tự khai, tài liệu có tại hồ sơ và tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn bà Bùi Thị H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Bùi Thị H và ông Trần Đức H1 tự nguyện tìm hiểu, không ai ép buộc, có đăng ký kết hôn ngày 04/10/2001 tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai (nay là xã P, tỉnh Đồng Nai). Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do ông H1 đi làm ăn xa, hai năm đầu thì có gọi về, nhưng mỗi lần gọi về thì nói chuyện khó khăn, cáu gắt rồi nhát dần không gọi và nói chuyện với bà nữa, lâu lâu ông có gọi về nói chuyện với con, còn vợ chồng không trao đổi nói chuyện với nhau nữa, qua bạn bè bà có nghe thông tin ông H1 có người phụ nữ khác, bà gọi ông H1 về để giải quyết ly hôn, nhưng ông không về và nói bà tự giải quyết. Nay bà H nhận thấy tình cảm vợ chồng không

còn, không thể quay về chung sống với nhau được nữa, vì vậy bà làm đơn đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Trần Đức H1.

Về con chung: Bà H và ông H1 có 04 con chung là Trần Phi H2, sinh ngày 24/5/2002; Trần Thị Thúy H3, sinh ngày 09/02/2006; Trần Phi D, sinh ngày 18/01/2013 và Trần Trung K, sinh ngày 15/01/2020.

Hai con đầu là Trần Phi H2 và Trần Thị Thúy H3 đã thành niên, có khả năng lao động nên bà không yêu cầu giải quyết. Đối với hai con nhỏ là Trần Phi D và Trần Trung K, ly hôn bà có nguyện vọng được nuôi trực tiếp cả hai con chung

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà H không yêu cầu ông H1 phải cấp dưỡng tiền nuôi con.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung: Bà H không yêu cầu giải quyết.

Ngoài ra, bà H không có yêu cầu gì thêm.

Đối với bị đơn là ông Trần Đức H1: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, nhưng ông H1 không đến Tòa án làm việc. Do đó, Tòa án không lấy được ý kiến của ông H1 đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và nguyên đơn là đảm bảo theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai, do đó Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ các Điều 56, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Về án phí: Áp dụng khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự. Điều 27 Nghị quyết: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Bà Bùi Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 9 – Gia Lai theo quy định khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thấy rằng:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Bùi Thị H và ông Trần Đức H1 tự nguyện tìm hiểu và có đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 83, quyển số 01/2001 do Ủy ban nhân dân xã P, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai cấp ngày 04/10/2001. Nên hôn nhân giữa bà Bùi Thị H và ông Trần Đức H1 là hợp pháp, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa vợ chồng.

Trong quá trình chung sống, bà H cho rằng nguyên nhân dẫn đến ly hôn là do ông H1 đi làm ăn xa, hai năm đầu thì có gọi điện thoại về, nhưng mỗi lần gọi về thì nói chuyện khó khăn, cái gắt rồi nhạt dần không gọi và nói chuyện với bà nữa, lâu lâu ông có gọi về nói chuyện với con, còn vợ chồng không trao đổi nói chuyện với nhau nữa, qua bạn bè bà có nghe thông tin ông H1 có người phụ nữ khác, từ đó vợ chồng không còn quan tâm gì đến nhau. Nay bà nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể quay về chung sống với nhau được nữa, vì vậy bà làm đơn đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Trần Đức H1.

Quá trình thụ lý giải quyết vụ án Tòa án đã tổng đạt đầy đủ các văn bản tố tụng và quyết định đưa vụ án ra xét xử hợp lệ, nhưng ông Trần Đức H1 không lên Tòa án làm việc và không có ý kiến gửi cho Tòa án cho thấy ông H1 đã từ bỏ quyền lợi của mình, không muốn hàn gắn tình cảm với bà H. Và chính quyền địa phương cũng xác nhận ông H1 đi làm ăn xa từ cuối năm 2020 đến nay, vợ chồng có xảy ra bất hòa nên sống ly thân nhau. Từ những cơ sở đó, Hội đồng xét xử xét thấy hôn nhân giữa bà H và ông H1 đã thật sự lâm vào tình trạng mâu thuẫn trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, yêu cầu xin ly hôn của bà H là có cơ sở chấp nhận, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, phù hợp với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 9, Gia Lai.

- Về con chung: Bà Bùi Thị H và ông Trần Đức H1 có 04 con chung là Trần Phi H2, sinh ngày 24/5/2002; Trần Thị Thúy H3, sinh ngày 09/02/2006; Trần Phi D, sinh ngày 18/01/2013 và Trần Trung K, sinh ngày 15/01/2020.

Hai con đầu là Trần Phi H2 và Trần Thị Thúy H3 đã thành niên, có khả năng lao động nên bà H không yêu cầu giải quyết. Đối với hai con nhỏ là Trần Phi D và Trần Trung K, ly hôn bà H có nguyện vọng được nuôi trực tiếp cả hai con chung.

Tại bản tự khai của cháu Trần Phi D trình bày: Bố mẹ cháu ly hôn thì cháu có nguyện vọng được ở với mẹ.

Xét yêu cầu của bà H và nguyện vọng của cháu Trần Phi D thấy rằng: Từ khi bà H và ông H1 sống ly thân, bà H là người trực tiếp nuôi con chung. Chính quyền địa phương cũng xác nhận, hiện hai con chung bà H là người trực tiếp chăm sóc, bà H vẫn đảm bảo cho sự phát triển bình thường về mọi mặt của con. Mặt khác, quá trình giải quyết vụ án ông H1 không lên Tòa án làm việc, không trình bày ý kiến của mình. Do đó, căn cứ vào Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử xét chấp nhận yêu cầu của bà H.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà H không yêu cầu ông H1 phải cấp dưỡng tiền nuôi con, nên không xem xét.

- Về tài sản chung và nghĩa vụ chung khác: Bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét.

[3] Về án phí: Căn cứ vào Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 của Nghị quyết: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội thì bà Bùi Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Các Điều 56, 57, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình. Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Bùi Thị H được ly hôn với ông Trần Đức H1.

- Về con chung: Giao cháu Trần Phi D, sinh ngày 18/01/2013 và Trần Trung K, sinh ngày 15/01/2020 cho bà Bùi Thị H trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cho đến khi con thành niên có khả năng lao động hoặc đã thành niên nhưng không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

Về cấp dưỡng nuôi con: Ông Trần Đức H1 không phải cấp dưỡng tiền nuôi con cho bà Bùi Thị H.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này. Trong trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một bên hoặc cả hai bên, các bên có quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc việc cấp dưỡng nuôi con.

- Về án phí: Buộc bà Bùi Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm để nộp ngân sách Nhà nước, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng bà H đã nộp tạm ứng án phí trước đây theo biên lai thu án phí, lệ phí Tòa án số: 0006345 ngày 10 tháng 12 năm 2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Gia Lai.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, nguyên đơn có quyền làm đơn kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm.

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày Tòa án niêm yết bản án.

“Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”./.

Nơi nhận :

- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND KV 9;
- Phòng THADS KV 9;
- UBND xã Phú Vinh;
- Đương sự;
- Lưu HSVA.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Lê Thị Hòa

